

Bản án số: 23/2021/HC-PT

Ngày: 19/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 397/TLHC-PT ngày 04 tháng 08 năm 2020 về Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 307/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1965.

Trú tại: Số 362, tổ 15, phường C, quận N1, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1958;

Trú tại: Số 362, tổ 15, phường C, quận N1, thành phố H.

Bà N, ông N2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người bị kiện:** UBND quận B, thành phố H.

Địa chỉ: Tòa nhà CT6A, Khu đô thị K, phường P, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Kim V, chức vụ Phó chủ tịch UBND quận B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1958.

Trú tại: Số 362, tổ 15, phường C, quận N1, thành phố H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1993.

Trú tại: Số 362, tổ 15, phường C, quận N1, thành phố H; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1958; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Học viện C1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh H- Giám đốc Học viện C1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Q, Phó trưởng phòng H1 – Học viện C1, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. UBND phường C2, quận B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Chí L – Phó chủ tịch UBND phường C2, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận B là ông Bùi Văn H2 - Chuyên viên Phòng TN&MT quận B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án xây dựng, cải tạo và mở rộng Học viện C1, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 thu hồi 229,4m² đất nông nghiệp của UBND phường C2 do ông Nguyễn Văn N2, Bà Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Trường G đang sử dụng, gồm 92,7m² đất thuộc thửa số 8 và 136,7m² đất thuộc thửa số 3 cùng tờ bản đồ số 10 đo đạc năm 1994.

UBND quận B xác định trong 229,4m² đất nêu trên có:

- 63m² đất nông nghiệp do UBND phường C2 quản lý, hộ gia đình sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 15-10-1993;

- 134,6m² đất nông nghiệp do UBND phường C2 quản lý, hộ gia đình sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 15-10-1993 nhưng trước ngày 01-7-2004;

- 31,8m² đất nông nghiệp do UBND phường C2 quản lý, hộ gia đình không sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 15-10-1993 nhưng trước ngày 01-7-2004.

* Cùng ngày 28-6-2017, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 4858/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường và hỗ trợ chi tiết về tài sản trên đất đối với Bà Lê Thị Hồng N số tiền 143.292.692đồng, gồm các khoản:

- 01 cây bàng cao 6 m, đường kính thân cây 30cm.

- 01 nhà mái bằng BTCT diện tích 32,4m².

- 01 nhà 2 tầng (diện tích 43,6m²/ 1 tầng).

- Sân bê tông diện tích 20m² có mái lợp sân xi măng, khung sắt, xà gỗ.

- Sân bê tông 16,6m².

* UBND quận B cũng ban hành Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 phê duyệt Phương án bồi thường và hỗ trợ chi tiết về đất đối với ông Nguyễn Văn N2, Bà Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Trường G số tiền 529.473.500đồng, gồm các khoản:

- Hỗ trợ về đất theo giá đất ở 14.606.000đồng/m² đối với diện tích 60m² tự sử dụng vào mục đích để ở trước ngày 15-10-1993, thuộc vị trí 2 đường C3 đi Học viện C1, tỷ lệ hỗ trợ 50%.

- Hỗ trợ về đất theo giá đất ở 14.606.000đồng/m² đối với diện tích 03m² (vượt 60m²) tự sử dụng vào mục đích để ở trước ngày 15-10-1993, thuộc vị trí 2 đường C3 đi Học viện C1, tỷ lệ hỗ trợ 20%.

- Hỗ trợ về đất theo giá đất ở 14.606.000đồng/m² đối với diện tích 27m² tự sử dụng vào mục đích để ở sau ngày 15-10-1993 nhưng trước 01-7-2004, thuộc vị trí 2 đường C3 đi Học viện C1, tỷ lệ hỗ trợ 20%.

- Hỗ trợ về đất theo giá 35.000đồng/m² đối với diện tích 104,5m² tự sử dụng vào mục đích để ở, tỷ lệ hỗ trợ 100%.

* UBND quận B cũng ban hành Quyết định số 4859/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 phê duyệt Phương án bồi thường và hỗ trợ chi tiết về tài sản trên đất đối với anh Nguyễn Trường G số tiền 268.872.635đồng, gồm các khoản cho công trình xây dựng trên đất là ngôi nhà 2 tầng, mái bằng, bê tông cốt thép, tỷ lệ hỗ trợ 50% đơn giá xây dựng.

* UBND quận B cũng ban hành Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 phê duyệt Phương án bồi thường và hỗ trợ chi tiết về đất và tài sản trên đất đối với ông Nguyễn Văn N2, Bà Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Trường G số tiền 10.122.984đồng, gồm các khoản:

- Hỗ trợ về đất đối với 34,9m² đất nông nghiệp tự sử dụng sau 15-10-1993 với giá 35.000đồng/m², tỷ lệ hỗ trợ 100%.

- Hỗ trợ về 5 hạng mục công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở và công trình trên đất.

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất nêu trên, Bà Lê Thị Hồng N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 4826/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 và các Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 28-6-2017; Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 28-6-2017; Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 28-6-2017; Quyết định số 4859/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 của UBND quận B. Lý do khởi kiện và quan điểm của Bà Lê Thị Hồng N là vì:

- Nguồn gốc sử dụng đất của gia đình là hợp pháp, do Hợp tác xã cấp cho gia đình từ 1989, sử dụng ổn định, không tranh chấp và đã nộp thuế sử dụng đất.

- Diện tích đất của gia đình sử dụng không thuộc đất quy hoạch cho mục đích an ninh quốc gia.

* Tại bản tự khai ngày 14-11-2019: Ông Nguyễn Kim V, Phó chủ tịch – đại diện theo ủy quyền của UBND quận B trình bày: việc thu hồi đất đối với gia đình Bà Lê Thị Hồng N theo đúng pháp luật; chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ theo đúng Công văn số 330/UBND-TNMT ngày 21-01-2016 của UBND thành phố H về chính sách hỗ trợ do đặc thù. UBND quận B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xử bác đơn khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng N.

* Tại bản tự khai ngày 15-11-2019, ông Vũ Ngọc N3 - Người đại diện theo ủy quyền của Học viện C1 xác định UBND quận B thu hồi đất đối với gia đình Bà Lê Thị Hồng N là đúng quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. UBND quận B phê duyệt chính sách hỗ trợ cho gia đình Bà Lê Thị Hồng N là đúng pháp luật.

* UBND phường C2 trình bày nội dung thống nhất với quan điểm của UBND quận B và khẳng định nội dung văn bản xác nhận về nguồn gốc cũng như hiện trạng sử dụng đất của gia đình Bà Lê Thị Hồng N là đúng, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên trong gia đình Bà Lê Thị Hồng N là ông Nguyễn Văn N2 và anh Nguyễn Trường G cũng là những người được UBND quận B phê duyệt hỗ trợ về đất, về tài sản gắn liền với đất đều thống nhất nội dung trình bày và lý do khởi kiện mà Bà Lê Thị Hồng N nêu trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 307/2019/HCST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đã áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 10 Điều 22, Điều 28, khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 5, khoản 6 Điều 22, khoản 1 Điều 61, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 23, Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng N đề nghị hủy:

- Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 của UBND quận B về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4852/QĐ-UBND, Quyết định số 4857/QĐ-UBND, Quyết định số 4858/QĐ-UBND và Quyết định số 4859/QĐ-UBND cùng ngày 28-6-2017 của UBND quận B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với Bà Lê Thị Hồng N, ông Nguyễn Văn N2 và anh Nguyễn Trường G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019 Bà Lê Thị Hồng N kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị Hồng N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi giải quyết vụ án hành chính.

Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 28-6-2017 về thu hồi đất và các Quyết định số 4852/QĐ-UBND, Quyết định số 4857/QĐ-UBND, Quyết định số 4858/QĐ-UBND, Quyết định số 4859/QĐ-UBND cùng ngày 28-6-2017 của UBND quận B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với Bà Lê Thị Hồng N, ông Nguyễn Văn N2 và anh Nguyễn Trường G là quyết định quản lý hành chính nhà nước về đất đai quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13-8-2017, Bà Lê Thị Hồng N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là đảm bảo thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của Bà Lê Thị Hồng N.

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Theo tài liệu là hồ sơ giải phóng mặt bằng cũng như Hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân (UBND) quận B và Ủy ban nhân dân phường C2 quản lý cho thấy: Diện tích 229,4m² đất gia đình Bà Lê Thị Hồng N sử dụng bị thu hồi thực hiện dự án gồm 92,7m² đất thuộc thửa số 8 và 136,7 m² đất thuộc thửa số 3 cùng tờ bản đồ

số 10 đo đạc năm 1994, đều là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân phường C2 quản lý.

Trong quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng các cơ quan, tổ chức tham mưu của UBND quận B đã thực hiện đúng quy trình về lập và niêm yết Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ. Sau đó UBND quận B ra các quyết định về thu hồi, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai.

Ông Nguyễn Văn N2 và Bà Lê Thị Hồng N cho rằng được Hợp tác xã cho phép sử dụng đất nhưng không cung cấp được căn cứ giao đất nông nghiệp, giấy tờ giao đất. Chứng cứ trong hồ sơ là Công văn số 205/CV/T31 ngày 01-11-1994 của trường Đại học C1 thể hiện: Năm 1990, khi trường Đại học C1 chuyển trường từ S (B1) về xã C3 (T), với số lượng cán bộ giáo viên gần 400 người, cơ sở vật chất khó khăn nên Nhà trường đã cho các hộ gia đình giáo viên mượn một số nguyên vật liệu dựng lán tạm. Một số gia đình đã tự quan hệ với chính quyền xã C3 để tận dụng một số ao hồ thung đầu, đất hoang hóa không canh tác được để dựng lán tạm. Ngày 16-12-1992, Đảng ủy, UBND, Hợp tác xã nông nghiệp C3 đã họp với Trường đại học C1 để giải quyết việc làm nhà của một số cán bộ, giáo viên và sau đó được Đội quản lý trật tự xây dựng họp xem xét, kiến nghị cụ thể. Các kiến nghị đã được Trường đại học C1 giải quyết nhưng do nhà trường chưa bố trí đủ đất làm nhà và chật chội nên các gia đình cán bộ đã xây dựng trên đất của xã mà không vào khuôn viên đất của nhà trường ở. Sau văn bản xin thỏa thuận hợp thức đất nền trên của Trường đại học C1, Đoàn thanh tra của UBND huyện Từ Liêm đã xác minh và có Báo cáo số 244/BC-KLTT ngày 09-12-1994. Nội dung kết luận có những hành vi xây dựng lán, chiếm đất công tại nhưng chưa kiên quyết xử lý. Nội dung này cũng được thể hiện tại Văn bản số 103/CV/T32 ngày 29-6-1994 của trường Đại học C1. Mặt khác, lời khai của ông Nguyễn Văn N2 phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai, bản đồ địa chính đo đạc từ năm 1994, đó là: diện tích đất nêu trên vẫn nằm trong những thửa đất do UBND phường C2 quản lý; bản thân Bà Lê Thị Hồng N chưa được và không được đăng ký kê khai, nộp thuế sử dụng đất. Như vậy, không cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng N cho rằng sử dụng đất hợp pháp có nguồn gốc UBND xã C3 cho phép làm nhà ở. Gia đình Bà Lê Thị Hồng N không đủ điều kiện để xác định là người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai và không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai.

[2.2]. Trên cơ sở tài liệu là Văn bản số 205/CV/T32 ngày 01-11-1994 của Trường Đại học C1 gửi UBND huyện Từ Liêm và UBND xã C3 về việc xin thỏa thuận hợp thức đất cũng như hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, UBND quận B đã báo cáo và được UBND thành phố H ra Công văn số 330/UBND-TNMT ngày 21-01-2016 về chính sách hỗ trợ do đặc thù đề hỗ trợ về đất, về tài sản gắn liền với đất của các gia đình, trong đó có gia đình Bà Lê Thị Hồng N là đúng quy định tại các Điều 74, Điều 83 Luật Đất đai, Điều 25

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, Điều 23 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng N là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị Hồng N; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của Bà Lê Thị Hồng N không được chấp nhận nên Bà Lê Thị Hồng N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện Bà Lê Thị Hồng N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 307/2019/HCST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận Bà N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0020137 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA/VP-HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà